

# **ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT**

## **A – MỤC TIÊU BÀI HỌC**

Giúp HS :

– Phân biệt đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. (GV chỉ cần khái quát lại các khái niệm, các đặc điểm để phân biệt ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, nhất là cần tạo ý thức thường trực cho HS khi viết thì phải khác khi nói như thế nào để HS thường xuyên luyện tập.)

– Tự tìm lấy câu trả lời ngắn gọn, chính xác theo yêu cầu của GV. (Không cần đọc lại SGK để trả lời mà HS tìm được câu trả lời chính xác có nghĩa là đã đạt yêu cầu, bởi vì trả lời các câu hỏi của GV cũng là luyện tập kĩ năng ngôn ngữ, tức là biết *khái quát hoá* nhận thức thực tiễn. Đây là cách luyện tư duy và phát biểu bằng lời, chỉ còn thiếu một khâu cuối cùng là viết những lời phát biểu miệng thành văn bản.)

## **B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý**

### **I – NỘI DUNG**

#### **1. Đặc điểm bài học**

a) Đây là giờ học lí thuyết, nhưng không có nghĩa là GV giảng giải, truyền thụ từ đầu đến cuối, còn HS chỉ ngồi nghe và ghi chép mà GV phải hướng dẫn HS chủ

động, không ngừng nhận xét, tìm tòi, khái quát những điều đã được học trong đời sống và trong nhà trường.

b) Muốn vậy, cần phát huy năng lực quan sát và khái quát của HS để các em biết nhận xét và phát biểu ý kiến của mình một cách súc tích, cô đọng. Một khi đã khái quát được hiện tượng cũng là đã nâng cao nhận thức cho HS.

GV có thể nêu những câu hỏi gợi mở, sát thực, lấy ngay ví dụ hàng ngày trong ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết của HS, không cần tìm ví dụ trong sách vở. Làm được như thế là rèn luyện kỹ năng quan sát và kỹ năng diễn đạt cho HS.

c) Chú ý hai dạng bài tập :

– Bài tập yêu cầu *nhận diện các đặc điểm* của ngôn ngữ viết trong văn bản, các đặc điểm của ngôn ngữ nói trong đoạn hội thoại (được ghi lại trong tác phẩm văn học).

– Bài tập yêu cầu *phát hiện lỗi* không phân biệt ngôn ngữ nói với ngôn ngữ viết (dùng các từ ngữ trong ngôn ngữ nói vào một bài viết), sau đó chữa lại cho phù hợp với ngôn ngữ viết.

## 2. Trọng tâm bài học

a) Hướng dẫn HS nhận biết hai khái niệm *ngôn ngữ nói* và *ngôn ngữ viết*.

b) Trọng tâm : Phân biệt đặc điểm của ngôn ngữ nói với đặc điểm của ngôn ngữ viết theo hoàn cảnh sử dụng, các phương tiện hỗ trợ, đặc điểm chủ yếu về từ ngữ và câu văn.

## II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

### 1. Phương pháp dạy học

– GV hướng dẫn HS hình thành khái niệm và khái quát các đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

– GV hướng dẫn HS đàm thoại, sau đó đánh giá, tiểu kết.

### 2. Tiến trình tổ chức dạy học

a) *Hướng dẫn HS hình thành khái niệm*

HS có thể dễ dàng trả lời các câu hỏi : "Ngôn ngữ nói là gì ?", "Ngôn ngữ viết là gì ?". Tuy nhiên GV phải hướng dẫn HS nhận xét các đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

Một điểm đáng lưu ý : Lời phát biểu, diễn giảng, bài nói,... thuộc ngôn ngữ nói hay ngôn ngữ viết ?

Đây là loại *trung gian* giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. Trong trường hợp này, người nói cụ thể, người nghe trực diện, nhưng chỉ đọc thoại một chiều. Một mặt, người nói dựa vào sự xếp đặt ý kiến đã chuẩn bị trước (văn bản) ; mặt khác, có thể sử dụng cử chỉ, điệu bộ, nét mặt linh hoạt cho phù hợp với đối tượng đang nghe mình,

ở trước mặt mình. Vì vậy, từ ngữ, câu văn, cách nói dùng trong lời nói có khác với văn bản dùng để đọc.

Thuộc vào loại trung gian còn có những văn bản ghi lại lời *phát biểu, nói chuyện, đàm thoại, hội thoại, thảo luận,...* Khi chuyển từ dạng nói sang dạng viết, ngôn ngữ cũng có những chuyển đổi (xem *Chú ý ở SGK*).

Như vậy, tùy theo lượng thời gian, GV có thể mở rộng khái niệm, giảng thêm cho HS để tránh những băn khoăn, thắc mắc sau khi học bài này.

b) *Hướng dẫn HS khái quát các đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết*

– *Đặc điểm của ngôn ngữ nói*

GV có thể gợi ý cho HS trả lời dễ dàng, bởi vì bất kì ai cũng sử dụng hình thức diễn đạt này.

Tuy nhiên, đặc điểm về câu văn và từ ngữ trong ngôn ngữ nói là hơi khó. GV có thể dùng ví dụ để so sánh. Chẳng hạn, trong ngôn ngữ viết dùng từ *sợ hãi*, còn ngôn ngữ nói hay dùng những từ ngữ như : *dụng tóc gáy, lạnh xương sống, toát mồ hôi, thót tim, đứng tim, xanh mắt, mắt mặt, vỡ mặt,...* (*Chú ý* : Ngôn ngữ nghệ thuật tái hiện ngôn ngữ nói để sáng tạo hình tượng nhân vật trong hội thoại nhưng đó chỉ là sự mô phỏng, chứ không hoàn toàn giống hệt ngôn ngữ nói.)

– *Đặc điểm của ngôn ngữ viết*

GV hướng dẫn HS tìm hiểu :

+ Điều kiện và hoàn cảnh giao tiếp khi dùng ngôn ngữ viết : sử dụng chữ viết, các quy tắc chính tả, quy cách tổ chức văn bản.

+ Những đặc điểm của văn bản về dấu câu, các kí hiệu chữ viết, các hình vẽ, bảng biểu,...

+ Từ ngữ và câu văn trong văn bản.

GV cần giáo dục ý thức rèn luyện kĩ năng tạo lập văn bản cho HS. Đặc biệt là HS phải biết được chỗ yếu của mình trong việc diễn đạt bằng văn bản thông qua bài làm văn và tiết chữa bài tập.

GV cần nêu những mặt thuận lợi và hạn chế trong hình thức diễn đạt bằng văn bản để giúp HS tạo lập văn bản tốt hơn, tạo cho HS ý thức học tập môn Ngữ văn. Đây là một yêu cầu thực tế, học Ngữ văn trước hết là để diễn đạt tốt và giao tiếp tốt trong mọi hoàn cảnh.

### III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

#### 1. Kiểm tra, đánh giá

Các câu hỏi kiểm tra có thể chia làm ba loại :

a) Kiểm tra kiến thức : các khái niệm, đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

b) Kiểm tra kĩ năng : GV ra một số bài tập để chữa cho HS những lỗi điển đạt khi chuyển từ ngôn ngữ nói sang ngôn ngữ viết.

c) Kiểm tra thái độ : HS có chuyển biến gì sau khi học bài này ? HS có ý thức làm các bài tập và có chủ động rèn luyện các kĩ năng hay chỉ đối phó với GV ?

## 2. Gợi ý giải bài tập

### *Bài tập 1*

Để phân tích đặc điểm của ngôn ngữ viết trong đoạn trích, cần chú ý :

– Thuật ngữ của các ngành khoa học : *vốn chữ, từ vựng, ngữ pháp, bản sắc, phong cách, thể văn, văn nghệ, chính trị, khoa học,...*

– Việc tách dòng sau mỗi câu để trình bày rõ từng luận điểm.

– Việc dùng các từ ngữ chỉ thứ tự trình bày (*Một là, Hai là, Ba là,...*) để đánh dấu các luận điểm.

– Việc dùng dấu câu : dấu chấm, dấu phẩy, dấu ngoặc đơn, dấu ngoặc kép,...

### *Bài tập 2*

Để phân tích đặc điểm của ngôn ngữ nói trong đoạn trích, cần chú ý :

– Các từ hô gọi trong lời nhân vật : *Kìa ; Này, ... ơi ; ... nhỉ,...*

– Các từ tình thái trong lời nhân vật : *Có khối... đấy, đấy, Thật đấy,...*

– Các kết cấu câu trong ngôn ngữ nói : *Có... thì, Đã... thì...*

– Các từ ngữ thường dùng trong ngôn ngữ nói : *mấy (giờ), có khối, nói khoác, sợ gì, đàng ấy,...*

– Sự phối hợp giữa lời nói và cử chỉ : *cười như nắc nẻ, cong cớn, liếc mắt, cười tít,...*

### *Bài tập 3*

a) Bỏ các từ *thì, đã* ; thay *hết ý* bằng từ khác chỉ mức độ như *rất*.

b) Thay *vống lên* bằng *quá mức thực tế*, thay *đến mức vô tội vạ* bằng *một cách tùy tiện* và bỏ từ *như*.

c) Câu văn tối nghĩa : cần bỏ các từ khẩu ngữ như *sất* và viết lại câu.

## IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Trọng Lạc, *Phong cách học văn bản*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1992.

2. Đinh Trọng Lạc – Nguyễn Thái Hoà, *Phong cách học tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001.

3. Nguyễn Xuân Khoa, *Phương pháp dạy dấu câu tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997.